

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 119/2022/DS-ST
Ngày 08- 04 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;
2. Ông Huỳnh Văn Bé;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Tiền- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-DS ngày 07/03/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2022/QĐST-DS ngày 04/4/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 48 Nguyễn Văn Linh, khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

- Bị đơn:

1/ Ông Lê Văn G, sinh năm: 1965 (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 5B đường Trần Thị Cẩm, tổ 1, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Minh T, sinh năm: 1966; địa chỉ: Số nhà 48 Nguyễn Văn Linh, khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh T (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số nhà 48 Nguyễn Văn Linh, khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện nộp ngày 23/02/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà có cho vợ chồng ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H vay tiền nhiều lần, cụ thể: Lần 1: Ông G và bà H mượn tiền số 1.750.000.000đ vào ngày 28/6/2017, mượn bằng giấy tay; Lần 2: Ông G và bà H mượn tiền số 50.000.000đ vào ngày 28/6/2017, mượn bằng giấy tay; Lần 3: Ông G và bà H mượn tiền số 500.000.000đ vào ngày 09/6/2017, mượn bằng giấy tay; Lần 4: Ông G và bà H mượn tiền số 550.000.000đ vào ngày 22/6/2017, mượn bằng giấy tay. Tổng cộng ông G và bà H vay của bà số tiền 2.850.000.000 (hai tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay đầu tư kinh doanh. Đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông G, bà H không trả được nợ. Đến ngày 11/12/2017, vợ chồng ông G, bà H có trả cho bà số tiền nợ gốc 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng làm hai lần, còn nợ lại số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng và không trả tiền lãi cho bà. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông G, bà H trả nợ cho bà nhưng ông G, bà H không thực hiện. Để làm tin, bà H có đưa cho bà giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 066151 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh T cấp ngày 02/8/2016 đứng tên ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H trả nợ số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến khi khởi kiện là 726.041.666 đồng (3 năm 5 tháng x 8.5%/năm), tổng cộng 3.226.041.666 (ba tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H có trình bày:

Trước đây ông G và H có quan hệ làm ăn vay mượn tiền của vợ chồng ông T, bà H nhiều lần nhưng đều trả nợ các khoản vay đó. Thời gian gần đây, do ông G và H kinh doanh thua lỗ nên mất khả năng thanh toán, mọi tài sản của ông bà đều đã bị các chủ nợ khác lấy, còn người đang nợ tiền của ông bà thì họ vẫn chưa trả lại tiền cho ông bà. Ông bà đồng ý trả lại số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền ông bà còn nợ và khoảng thời gian ông bà nợ của bà H. Nhưng khi nào ông bà được trả nợ thì mới có tiền để trả cho bà H. Trước đây, ông bà có giao cho bà H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 066151 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh T cấp ngày 02/8/2016 đứng tên ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H để làm tin cho khoản tiền mà ông bà đang nợ. Nay ông G đề nghị Chi cục thi hành án dân sự thi hành án bán phần đất này để trả tiền án phí và trả bớt một phần tiền cho bà H.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Do bên bị đơn cũng có phần khó khăn nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc đã mượn mà không yêu cầu trả lãi, cụ thể yêu cầu ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H trả

nợ số tiền nợ gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng), yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn: ông G thừa nhận còn nợ bà H số tiền nợ gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng) tuy nhiên do làm ăn thua lỗ, nhưng ông cũng đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định nhưng khi nào người đang nợ tiền của ông trả cho ông thì ông đồng ý trả tiền gốc và lãi nêu trên cho bà H. Còn việc vợ ông có thể chấp cho bà H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 066151 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh T cấp ngày 02/8/2016 đứng tên ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H để làm tin cho khoản tiền mà ông bà đang nợ. Nay ông đề nghị Tòa án xét xử xong chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thi hành án bán phần đất này để trả tiền án phí và trả bớt một phần tiền cho bà H.

Bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ thể hiện bà thống nhất như lời khai của ông G; bà xác nhận bà chỉ đồng ý trả nợ nợ gốc cho bà H số tiền là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng) khi nào bà P và bà H trả tiền cho bà, bà không đồng ý trả lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Đề nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ, nhận thấy việc việc vay tiền của ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị H số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng), do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, riêng việc rút yêu cầu đối với tiền lãi của nguyên đơn đề nghị Tòa án đình chỉ. Buộc ông G và bà H phải trả số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng) cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2020, bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho bà số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến khi khởi kiện là 726.041.666 đồng (3 năm 5 tháng x 8.5%/năm), tổng cộng 3.226.041.666 (ba tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, đây là tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, bị đơn là ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H cùng cư trú tại xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Do bên bị đơn cũng có phần khó khăn nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc đã mượn mà không yêu cầu trả lãi, cụ thể yêu cầu ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H trả nợ số tiền nợ gốc 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng), yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng). Bị đơn - ông Lê Văn G thừa nhận có vay tiền của vợ chồng bà H nhiều lần nhưng đã trả nợ cho vợ chồng bà H, hiện chỉ còn nợ số tiền gốc là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng), nhưng hiện nay do làm ăn kinh doanh thua lỗ nên mất khả năng thanh toán. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này là sự tự nguyện của nguyên đơn nên chấp nhận.

Xét Giấy mượn tiền ngày 28/6/2017, Giấy mượn tiền ngày 28/6/2017, Giấy mượn tiền ngày 09/6/2017, Giấy mượn tiền ngày 22/6/2017 giữa ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H thể hiện rõ số tiền vay, có chữ ký xác nhận của người mượn tiền ông Lê Văn G. Như vậy, 04 (bốn) Giấy mượn tiền lập ngày 28/6/2017, ngày 28/6/2017, ngày 09/6/2017, 22/6/2017 là Hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có thỏa thuận về việc trả lãi. Xét Giấy cầm xe ngày 27/10/2017, thể hiện nội dung: Ông G, bà H xác nhận có nợ vợ chồng ông T, bà H số tiền 2.850.000.000 (hai tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng tiền gốc chưa tính lãi và giao cho ông T chiếc xe ô tô hiệu TOZOTO, biển số 51F.675.80, đến ngày

30/11/2017 vợ chồng ông G, bà H sẽ thanh toán hết số tiền nợ gốc và lãi, nếu không thanh toán được thì vợ chồng ông G, bà H sẽ làm giấy bán cho vợ chồng ông T, bà H chiếc xe với giá 300.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông G, bà H và vợ chồng ông T, bà H. Như vậy, mặc dù 04 (bốn) Giấy mượn tiền do ông G ký không có thỏa thuận về kỳ hạn trả nợ, không có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng thông qua Giấy cầm xe ngày 27/10/2017 các bên đã xác nhận ông G, bà H có vay tiền của bà H, ông T với số nợ gốc là 2.850.000.000 (hai tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng, xác định thời hạn trả nợ là ngày 30/11/2017 và xác định các khoản vay này có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 và Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay tài sản, vợ chồng ông G, bà H đã trả nợ cho bà H số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng và vợ chồng ông G, bà H đã lấy lại chiếc xe ô tô hiệu TOZOTO, biển số 51F.675.80, hiện vợ chồng ông G, bà H còn nợ vợ chồng bà H, ông T số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng) nợ gốc. Thời hạn vay đã hết nhưng ông G, bà H vẫn chưa trả, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó yêu cầu thanh toán nợ, không yêu cầu tính lãi của bà H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc ông Lê Văn G, bà Nguyễn Thị H đều thừa nhận hiện còn nợ vợ chồng bà H, ông T số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng) nợ gốc, tuy nhiên do việc kinh doanh thua lỗ nên mất khả năng thanh toán, mọi tài sản của ông bà đều đã bị các chủ nợ khác lấy, còn người đang nợ tiền của ông bà thì họ vẫn chưa trả lại tiền cho ông bà, do đó khi nào có tiền thì ông bà sẽ trả lại tiền nợ, bà H không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H đã có bản tự khai trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Xét lãi suất phát sinh nếu ông G và bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sẽ được tính theo quy định của pháp luật tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bởi nghĩa vụ này phát sinh kể từ thời điểm bà H có đơn yêu cầu thi hành án.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ phần yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Tòa án ghi nhận kiến nghị vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử để khắc phục.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của bà H nên bị đơn là ông G, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà H theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng). Thi hành một lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông G, bà H chậm trả tiền thì ông G, bà H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H thanh toán xong các khoản tiền gốc và lãi nêu trên thì bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 066151 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh T cấp ngày 02/8/2016 đứng tên ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến khi khởi kiện là 726.041.666 đồng (3 năm 5 tháng x 8.5%/năm).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí là 82.000.000 (tám mươi hai triệu) đồng.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 48.760.417đ (bốn mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng) theo biên lai thu tiền số 0085891 ngày 29/03/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Bà H, ông G, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quang Định